

NHÌN LẠI CHÍNH SÁCH NGÔN NGỮ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ TIẾNG VIỆT VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI TIẾNG VIỆT HIỆN NAY

A REVIEW OF LANGUAGE POLICY OF THE PARTY AND THE STATE ON VIETNAMESE AND ITS CURRENT ISSUES ARISING

NGUYỄN VĂN KHANG

(GS.TS; Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*)

Abstract: In the role of a common language of the ethnic groups in Vietnam, since thousands of years, in spite of how the historical setting is, Vietnamese has always been kept and developed by Vietnamese people. However, not until the leadership of the Party and the independence of the country (1945) did it really function as the national language and was it essential in the strategic perspectives “to keep the purity of Vietnamese”, “to protect, develop and modernize Vietnamese”. The paper offers a systematic review of the orientation and policy of the Party and the State on Vietnamese as well as the process of implementing them. Simultaneously, on the basis of the new features of the Vietnamese context in particular and the linguistic context in Vietnam in general, the paper sets up some issues of policy and its implementation for the Vietnamese language today.

Keywords: language policy; the national language ; the Vietnamese language.

1. Nhìn lại chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tiếng Việt

1.1. Nhận định chung

Lịch sử của Việt Nam là lịch sử của yêu nước, giữ nước và xây dựng phát triển đất nước. Truyền thống “nồng nàn yêu nước” của nhân dân ta như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định đã tạo nên sức mạnh đoàn kết vô song để bảo vệ, giữ gìn non sông đất nước và những gì của cha ông để lại trong đó có ngôn ngữ. Chính vì thế mà trong hàng nghìn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc cùng những cuộc xâm lăng sau đó và 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, 20 năm can thiệp của Đế quốc Mỹ ở Miền Nam Việt Nam, tiếng Việt

vẫn là công cụ giao tiếp số một của người dân Việt Nam.

Với tinh thần “nước Nam còn, tiếng Việt còn”, các thế hệ người Việt Nam luôn bảo vệ và phát huy chức năng giao tiếp của tiếng Việt. Điều này có thể thấy rõ sự xuất hiện của chữ Nôm vào thế kỉ thứ XIII ngay từ trong lòng chữ Hán. Một số triều đại phong kiến Việt Nam đã ý thức được vai trò của ngôn ngữ dân tộc, như: Hồ Quý Ly làm thơ Nôm và dịch nhiều tác phẩm bằng chữ Hán ra chữ Nôm (để dạy vua và cung phi khi ông là quan đại thần); Vua Lê Thánh Tông khuyến khích các nho sĩ sáng tác văn thơ bằng chữ Nôm, chính bản thân ông cũng đã sáng tác nhiều bài thơ bằng chữ Nôm; Nguyễn Trãi với những tập thơ Nôm đặc sắc của mình đã chứng minh được sự

phong phú của ngôn ngữ dân tộc, đồng thời thể hiện lòng tự tôn dân tộc của người dân nước Nam thông qua thái độ tin yêu, trân trọng ngôn ngữ của nước nhà; Nguyễn Huệ chủ trương dùng tiếng Việt và chữ Nôm làm ngôn ngữ chính thống của quốc gia trong các lĩnh vực hành chính, giáo dục, tế lễ..., lập Sùng Chính Viện để dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm. Chữ quốc ngữ ra đời lập tức được người dân đón nhận. Các nhà yêu nước đã coi tiếng Việt, chữ Việt là “hồn trong nước” để vận động người dân bảo vệ tiếng Việt bằng cách phê chữ Hán, tẩy chay chữ Pháp, sử dụng chữ quốc ngữ. Với phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, các sĩ phu yêu nước đã làm nhiều cuộc vận động kêu gọi đồng bào dùng chữ Việt, tiếng Việt và coi việc dùng chữ quốc ngữ là biện pháp hàng đầu trong sáu biện pháp “văn minh tân học sách”.

Từ khi có Đảng, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giành độc lập. Nhờ đó, từ một nước thuộc địa, Việt Nam đã trở thành một quốc gia độc lập, tự chủ với 3 chỉ tố: quốc kì là cờ đỏ sao vàng, quốc ca là “Tiến quân ca” và ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt.

1.2.1. Nhìn lại chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước Việt Nam qua các thời kì

1.2.1. Thời gian từ 1930-1945: Từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập đến khi Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời. Đây là thời kì đấu tranh giành độc lập, vì thế, chính sách ngôn ngữ nói riêng và các chính sách của Đảng nói chung đều hướng về mục đích tối thượng là giành cho được chính quyền.

1) Với nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng, Đảng phải làm công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp được quần chúng tham gia phong trào cách mạng và có đủ sức lực để làm cách mạng. Trong nhiều nhân tố góp phần vào công cuộc chung này thì ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng đóng một vai trò quan trọng là công cụ để nối kết dân với

Đảng. Nói cách khác, ngôn ngữ mà tiếng Việt với vai trò số 1 là công cụ để tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, vận động quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh giành chính quyền, xây dựng chính quyền.

2) Đối với tiếng Việt, Đảng chủ trương làm sao đưa tiếng Việt trở về với người Việt và về đúng với vị thế là ngôn ngữ giao tiếp chung của toàn dân Việt Nam; làm cho mọi người dân Việt Nam được sử dụng tiếng Việt, chữ quốc ngữ và được giáo dục bằng tiếng Việt và chữ quốc ngữ. Cụ thể:

- Đấu tranh giành quyền được giáo dục (học hành);

- Đánh đổ chính sách giáo dục thực dân, giành quyền được giáo dục bằng tiếng bản xứ (tiếng Việt) và các ngôn ngữ dân tộc thiểu số và không phải học hành thi cử bằng tiếng Pháp;

- Làm cho mọi người dân Việt Nam, nhất là người dân lao động (dân cày) phải biết đọc, biết viết tiếng Việt, “chống nạn mù chữ”. Mọi người dân phải được học để biết đọc, biết viết tiếng Việt, nhất là những người đang ở lứa tuổi cấp sách đến trường;

- Có định hướng về bảo vệ và phát triển tiếng Việt: Kêu gọi sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, tiếng Việt gần gũi với người dân lao động, để người dân có thể hiểu được. Điều này được thể hiện trong “Đề cương văn hoá Việt Nam”: Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói; ấn định mẹo văn ta; cải cách chữ quốc ngữ, v.v. Đồng thời chú trọng tới nguyên tắc dân tộc, khoa học và đại chúng.

3) Để thực hiện các nội dung trên, Đảng đã đưa ra các biện pháp như:

- Giao cho tổ chức thanh niên, cụ thể là Thanh niên cộng sản đoàn Đông Dương, Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam ra thông báo, tổ chức các lớp học để xoá nạn mù chữ, tiến hành “phổ thông giáo dục cưỡng bách”.

- Đưa ra mục tiêu cụ thể như: áp dụng chế độ phổ cập tiểu học; đấu tranh với khẩu hiệu “chống nạn thất học, mở thêm các trường chuyên môn”;

- Kêu gọi sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, tiếng Việt gần gũi với người dân lao động, để người dân có thể hiểu được.

4) Có thể thấy, khi đấu tranh giành chính quyền, Đảng đã đưa ra chủ trương chống ngu dân, chống đồng hoá bằng cách người Việt phải sử dụng tiếng Việt và được giáo dục bằng tiếng Việt. Đảng đã đưa ra hàng loạt các biện pháp để thực hiện chủ trương này: tổ chức vận động quần chúng dưới mọi hình thức kêu gọi tham gia đấu tranh với chính quyền thực dân để được sử dụng tiếng Việt, được học bằng tiếng Việt trong nhà trường; chú trọng tới việc các đảng viên phải học nâng cao trình độ, trong đó có tiếng Việt.

1.2.2. Thời gian từ 1945-1954: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (1945) đánh dấu một thời kì mới của Việt Nam: thời kì bảo vệ và xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam. Đối với ngôn ngữ, *Bản Tuyên ngôn độc lập* bằng tiếng Việt do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc vang lên giữa Quảng trường Ba Đình lịch sử là sự khẳng định vai trò, chức năng giao tiếp quốc gia của tiếng Việt. Đây là thời kì Đảng đã giành được chính quyền và chính quyền thuộc về tay nhân dân, xã hội do dân làm chủ, vì thế, nội dung chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước tập trung vào các điểm sau đây:

1) Đảng và Nhà nước đã coi ngôn ngữ văn tự là một ngành khoa học. Sự kiện này mở đường cho việc nghiên cứu ngôn ngữ học nói chung, ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ học vào nghiên cứu thực tế ngôn ngữ ở Việt Nam. “Sắc lệnh 172 – SL ngày 17/11/1950 về việc thành lập trong Bộ Giáo dục một vụ văn học nghệ thuật bao gồm các ngành văn hoá (văn, sử, địa, triết học, kinh tế học, ngôn ngữ, văn tự)... và các ngành nghệ thuật (âm nhạc, ca kịch, hội học, kiến trúc)” [Danh mục các sắc

lệnh do chủ tịch Hồ Chí Minh kí từ năm 1950 đến năm 1952, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, tr.606]. Đây là sự kiện có ý nghĩa chính quan trọng đối với nền ngôn ngữ học nước nhà.

2) Chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước Việt Nam được luật hoá trong các điều khoản của Hiến pháp, bao gồm: quyền và nghĩa sử dụng tiếng nói chữ viết; quyền và nghĩa vụ phải biết tiếng Việt và chữ quốc ngữ;

3) Chính sách đối với tiếng Việt của Đảng và Nhà nước ở thời kì 1945-1954 là xoá nạn mù chữ, mở mang trường học, nâng cao dân trí để mọi người dân Việt Nam có thể tham gia kiến quốc và đánh đuổi thực dân Pháp.

Giáo dục cưỡng bức tiếng Việt cho người dân, cụ thể là phải làm cho người dân phải biết đọc, biết viết và coi việc mù chữ, thất học nguy hiểm như là giặc ngoại xâm (giặc dốt); yêu cầu người ứng cử phải biết đọc biết viết chữ quốc ngữ. Để thực hiện được các nhiệm vụ này, nhiều biện pháp thực thi được đưa ra như: Mở chiến dịch chống nạn mù chữ, cho thành lập Nha bình dân học vụ; Mở trường, tổ chức lớp học; Mở các lớp bình dân học vụ để xoá nạn mù chữ; Tiến hành sự nghiệp giáo ở mọi cấp bằng tiếng Việt, kể ở cả bậc đại học; tổ chức phong trào thi đua, trong đó có thi đua xoá mù chữ; Đào tạo giáo viên và có chế độ đãi ngộ thoả đáng cho giáo viên; Thường xuyên tiến hành kiểm tra để rút kinh nghiệm và từ đó đưa ra các biện pháp, hình thức phù hợp với thời gian cũng như thời điểm, tình hình hình cụ thể, nhằm xoá nạn mù chữ, nâng cao dân trí của người dân Việt Nam.

4) Là người sáng lập ra Đảng và sau này là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng ngôn ngữ, sử dụng chúng trong hoạt động các mạng: Là công cụ để tuyên truyền, vận động quần chúng tiến hành cách mạng, gắn bó giữa Đảng với dân; là vũ khí để tấn công kẻ thù. Những ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- Khẳng định vai trò của tiếng Việt tại Việt Nam. Coi sự dốt nát, mù chữ là một loại giặc

nên phải quyết tâm tiêu diệt. Người chú trọng trước hết đến việc xoá mù chữ cho toàn dân Việt Nam bằng cách: Đẩy mạnh việc học chữ quốc ngữ trong toàn dân, nhanh chóng thanh toán nạn mù chữ; tạo mọi điều kiện để mọi người dân đều có thể biết chữ quốc ngữ, chống nạn thất học bằng cách lập Nha bình dân học vụ, người biết dạy người chưa biết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa các biện pháp xoá mù chữ như tận dụng mọi cơ hội, tranh thủ mọi thời gian để học chữ quốc ngữ; coi học chữ quốc ngữ là những điều cần / nên làm; tổ chức phong trào thi đua học chữ quốc ngữ,...

- Coi trọng việc giáo dục cho thế hệ trẻ trong đó có tiếng Việt. Không chỉ là lãnh tụ, Hồ Chủ tịch còn là một nhà báo, nhà thơ, nhà văn hoá và Người coi việc viết báo, làm thơ,... là để phục vụ nhiệm vụ cách mạng. Trong công tác cách mạng, Người đặc biệt quan tâm đến việc tuyên truyền làm sao cho dân hiểu, dân tin và từ đó dân đi theo cách mạng. Muốn vậy, theo Người, phải có yêu cầu về khả năng sử dụng tiếng Việt đối với người làm cách mạng. Đó là: Sử dụng tiếng Việt tốt, chuẩn mực, rõ ràng và dễ hiểu; Văn phong mạch lạc và quan trọng là giữa lời nói và hành động phải đi đôi với nhau, tức là, làm sao quần chúng tin ở lời nói, câu viết của mình; Chống cách nói, cách viết sáo rỗng; Chú ý đến đối tượng giao tiếp để sử dụng ngôn ngữ cho thích hợp; Chống hai khuynh hướng lạm dụng và hẹp hòi trong sử dụng ngôn ngữ: Chống lạm dụng từ mượn Hán (Hán Việt), cách diễn đạt theo văn phong nước ngoài, đồng thời cũng phải chống cả thói hẹp hòi, tẩy chay tất cả những gì thuộc về tiếng nước ngoài.

5) Có thể nói, những chính sách ngôn ngữ của Đảng và Chính phủ rất phù hợp với bối cảnh xã hội Việt Nam giai đoạn đó và vì thế đã phát huy được hiệu quả to lớn. Nhờ có chính sách này mà người dân Việt Nam đã thoát ra khỏi chính sách ngu dân bao đời của phong kiến thực dân: Người dân được quyền sử dụng và đã sử dụng được tiếng Việt, chữ quốc ngữ; Tiếng Việt trở thành ngôn ngữ giao tiếp chung

của các dân tộc trong cả nước và thực hiện chức năng của ngôn ngữ quốc gia. Nhờ có chính sách này mà tiếng Việt có đóng góp quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập và đấu tranh bảo vệ chính quyền non trẻ, đánh đuổi thực dân Pháp; Tiếng Việt trở thành công cụ hữu hiệu nhất gắn Đảng với dân; là công cụ tuyên truyền, vận động cách mạng; là công cụ đoàn kết, góp phần tạo nên sức mạnh vô song của Việt Nam.

1.2.3. Thời gian từ 1954-1975: Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, đất nước ta tạm chia cắt làm hai miền Nam - Bắc. Ranh giới phân chia là vĩ tuyến 17 với các nhiệm vụ chính trị riêng nhằm vào một mục đích chung: Miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội chi viện cho Miền Nam tiến hành công cuộc chống Mỹ; Miền Nam tiếp tục kháng chiến chống ngoại xâm (để quốc Mỹ) để được giải phóng, Bắc Nam sum họp một nhà và thống nhất đất nước. Chính sách ngôn ngữ của đảng và Nhà nước Việt Nam là dựa trên bối cảnh chính trị xã hội này.

1.2.3.1. Ở Miền Bắc, Chính sách của Đảng về ngôn ngữ tập trung vào những nội dung chính như sau:

1) Tiếp tục đẩy mạnh công tác xoá mù chữ. Đây là nhiệm vụ tiếp tục thực hiện từ khi có Đảng đến nay. Đảng nhận định, chỉ có xoá mù chữ thì người dân mới có thể hiểu và tiếp nhận được chính sách của Đảng và từ đó Đảng, chính quyền mới có thể hướng dẫn người dân cùng nhau xây dựng đất nước. Vì thế, Đảng coi công việc xoá mù chữ là nhiệm vụ cấp bách trước mắt và chủ trương này được quán triệt đến các cấp uỷ, từng đảng viên: Thời hạn thanh toán nạn mù chữ phải xong trong năm 1958; Những địa phương trọng điểm sẽ phải hoàn thành việc xoá mù chữ là các vùng xuôi miền Bắc; Đối tượng xoá mù chữ là những người từ 12 đến 50 tuổi, trong đó ưu tiên các cán bộ xã, nhân viên giúp việc từ lâu không biết chữ; Hình thức xoá mù chữ chủ yếu và tập trung vào việc mở lớp bình dân học vụ (cho toàn

dân), mở lớp học tại chức (cho cán bộ, nhân viên).

2) Đẩy mạnh công tác giáo dục kiến thức trong nhà trường trong đó có việc sử dụng tiếng Việt trong dạy-học và dạy-học tiếng Việt với tư cách là môn học: Đảng đưa ra các mục tiêu cụ thể đối với việc nâng cao kiến thức văn hoá cho mọi người dân Việt Nam ở các mức độ khác nhau với các đối tượng khác nhau và ở từng giai đoạn khác nhau; Đảng chủ trương một mặt phát triển hệ thống giáo dục chính quy một mặt phát triển hình thức đào tạo bổ túc văn hoá và coi đây là một "phong trào quần chúng rộng rãi"; Đảng chỉ thị phải tạo các điều kiện tốt cho giáo dục như nâng cao chất lượng sách giáo khoa; cung cấp đầy đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học cần thiết.

3) Có thể thấy, Đảng luôn căn cứ vào tình hình cụ thể để đưa ra các chủ trương phù hợp. Chẳng hạn, nếu như ở thời gian những năm 1960 về trước, chủ trương của Đảng ở thời gian đầu là xoá mù chữ, thời gian sau là bổ túc văn hoá và giáo dục phổ thông thì khoảng thời gian những năm 1968-1970, Đảng chủ trương phát triển toàn diện giáo dục: nâng cao chất lượng các lớp vỡ lòng.

4) Dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, Chính phủ đã đưa các quyết định để biến chủ trương, đường lối của Đảng thành của Nhà nước về ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng thành hiện thực. Quyết định đáng chú ý nhất là việc thành lập các cơ quan, tổ chức chuyên chăm lo về ngôn ngữ. Cụ thể: Thành lập Tổ Ngôn ngữ thuộc Viện Văn học và Tổ Thuật ngữ thuộc Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước. Đây chính là tiền thân của Viện Ngôn ngữ học. Việc cho thành lập Viện Ngôn ngữ học thuộc Ủy ban khoa học kỹ thuật nhà nước năm 1968 và cho phép xuất bản tạp chí "Ngôn ngữ" là một bước ngoặt lịch sử của nền ngôn ngữ học nước nhà. Liên quan đến việc thành lập Viện Ngôn ngữ học không thể không nhắc đến một quyết định quan trọng của Ban được Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam số 34/NQ/TW năm 1953

thành lập "Ban Nghiên cứu lịch sử, địa lý, văn học". Đây là Ban nghiên cứu khoa học xã hội trực thuộc Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) mà trực tiếp chịu sự quản lý của Ban tuyên huấn Trung ương trực thuộc Trung ương Đảng. Ban giải thể vào đầu năm 1959 để thành lập các tổ chức khác. Có thể nói, Ban Nghiên cứu lịch sử, địa lý, văn học là tiền thân của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam trước đây (Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ngày nay) trong đó có Viện Ngôn ngữ học.

5) Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng rất chú trọng tới tiếng Việt

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tiếng Việt:

- Coi trọng tiếng nói, chữ viết của mỗi dân tộc, coi ngôn ngữ là nguồn lực. "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp" [Bài nói chuyện tại hội nghị lần thứ III của hội nhà báo Việt Nam, 1962, tập 10, tr.615].

- Khẳng định vai trò ngôn ngữ quốc gia của tiếng Việt. "Nước Việt Nam là một khối thống nhất không thể chia cắt được, dân tộc Việt Nam đã xây dựng tổ quốc mình suốt từ Nam chí Bắc chung một tiếng nói, một lịch sử, một nền văn hoá và một nền kinh tế" [Diễn văn tại hội nghị của nhân dân Niu Đêli (Ấn Độ), 1958, tập 9, tr.40].

- Chú trọng tới việc bảo vệ và phát triển tiếng Việt, trong đó, nổi bật là, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc đối xử với từ mượn: Vay mượn từ ngữ là cần thiết. Tuy nhiên, cần chống cả hai khuynh hướng cực đoan là hẹp hòi (không chịu tiếp nhận hoặc tiếp nhận theo khuôn mẫu cứng nhắc) và chống khuynh hướng lạm dụng (mượn tràn lan).

- Quan tâm đến vấn đề chữ quốc ngữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định, "Chữ quốc ngữ do các cố đạo người nước ngoài đặt ra, có những chỗ bảo thủ, lạc hậu, không hợp lý", do

vậy, ý kiến đề nghị của Người là: Chữ quốc ngữ có những chỗ bất hợp lí nên phải sửa.

Quan điểm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng về ngôn ngữ :

Năm 1966, khi đất nước đang ở vào thời điểm khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tại Viện Văn học, Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng đã có bài nói chuyện với những người làm công tác ngôn ngữ học, văn hoá nghệ thuật nước nhà về “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” (07/10/1966). Tư tưởng chủ đạo của “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” được Thủ tướng Phạm Văn Đồng giải thích như sau: Khẳng định tiếng Việt rất giàu và đẹp; tiếng Việt trong đời sống xã hội Việt Nam đảm nhận được chức năng giao tiếp một cách toàn diện; Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt tức là, phải có ý thức sâu sắc về sự giàu đẹp của tiếng ta, về những khả năng vô hạn của nó, phải rất nhạy cảm trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng ta:

- "Một là giữ gìn và phát triển vốn chữ của tiếng ta (tôi không muốn dùng chữ “từ vựng”); Hai là nói và viết đúng phép tắc của tiếng ta (tôi muốn thay chữ “ngữ pháp”); Ba là giữ gìn bản sắc, tinh hoa, phong cách của tiếng ta trong mọi thể văn (văn nghệ, chính trị, khoa học, kĩ thuật...)" (trích nguyên văn).

- Biên soạn Từ điển tiếng Việt; nghiên cứu phép tắc tiếng Việt; trách nhiệm của các nhà văn, nhà báo, nhà trường phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt" (...) là một công việc lâu dài phải kiên trì, phải nhìn xa, thấy rộng, phải làm từng bước, với tất cả ý thức trách nhiệm của mỗi người chúng ta, với lòng tự hào về tiếng nói của dân tộc và với lòng phấn khởi tin tưởng đóng góp phần của mình vào một công việc vừa quan trọng vừa tốt đẹp vô cùng”.

6) Từ chủ trương của Đảng và các quyết định của Chính Phủ, từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, việc triển khai chính sách ngôn ngữ đối với tiếng Việt như sau:

- Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản về tiếng Việt và triển khai công cuộc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Với việc thành lập Viện Ngôn ngữ học và các cơ sở nghiên cứu giảng dạy ngôn ngữ và tiếng Việt, nghiên cứu ngôn ngữ và tiếng Việt đã bước sang một giai đoạn mới, đó là có định hướng rõ ràng, sự chỉ đạo thống nhất cùng các bước đi cụ thể. Đặc biệt sau bài phát biểu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, cụm từ “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” trở thành tâm điểm của giới ngôn ngữ học. Nhờ đó, các bình diện của tiếng Việt bắt đầu được nghiên cứu hệ thống và bài bản. Trong đó đáng chú ý là hai nội dung: Tập trung vào thảo luận vấn đề chữ quốc ngữ: Cải tiến hay không cải tiến và nếu cải tiến thì cải tiến như thế nào; Vấn đề thuật ngữ tiếng Việt: việc đặt thuật ngữ bằng tiếng Việt và tiếp nhận thuật ngữ nước ngoài .

- Vào ngay những năm đầu 1960 của thế kỉ XX, công tác thuật ngữ đã được đẩy mạnh. Từ “Tin tức hoạt động khoa học” số 01/1960 đã đăng tải toàn bộ “Quyết định tạm thời về nguyên tắc biên soạn danh từ khoa học tự nhiên”. Tiếp đó, Hội đồng thuật ngữ- từ điển khoa học thuộc Ủy ban khoa học Nhà nước do Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn làm chủ tịch đã được thành lập. Tại Hà Nội tháng 12/1964, tổ chức Hội nghị bàn về vấn đề xây dựng thuật ngữ nước ngoài. Tháng 5/1965 tổ chức trung tâm ý kiến xây dựng thuật ngữ khoa học nước ngoài.

1.2.3.2. Ở Miền Nam giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975, mặc dù cuộc đấu " đánh cho Mỹ cút , đánh cho Ngụy nhào" diễn ra hết sức gian khổ, cam go trước những âm mưu xảo quyệt và vũ khí tối tân của kẻ thù, nhưng Đảng luôn dành sự quan tâm thích đáng đến vấn đề ngôn ngữ. Điều này thể hiện ở các chủ trương của Đảng đối với vấn đề ngôn ngữ.

- Trước hết, Đảng đã có những đánh giá đúng đắn về tình cảm dân tộc của người dân, trong đó có tình cảm về tiếng nói chữ viết của dân tộc mình: đó là sự yêu quý tiếng nói chữ viết của dân tộc và quyết tâm bảo vệ nó.

- Chủ trương của Đảng về ngôn ngữ ở Miền Nam giai đoạn này về tiếng Việt là, chống lại chính sách ngu dân và đồng hoá dân tộc trong đó có đồng hoá ngôn ngữ của đế quốc Mỹ; nâng cao trình độ văn hoá trong đó có trình độ tiếng Việt, chữ quốc ngữ cho mọi người dân trong đó có người dân tộc thiểu số. “Cần tích cực phát triển văn hoá giáo dục, phát động phong trào bình dân học vụ, tiến tới xoá dần nạn mù chữ trong nhân dân, đồng thời phải chăm sóc nền giáo dục bậc tiểu học, nâng cao văn hoá trong quần chúng, bộ đội, cơ quan, cần vận động nhân dân chống văn hoá nô dịch, lai căng, đồi trụy, cao bồi của địch, cố gắng phiên âm chữ dân tộc cho các dân tộc ít người có điều kiện mà hiện chưa có chữ (...)” [Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ nhất (16/02/1962 đến 03/3/1962)].

Nhờ đó, tiếng Việt vẫn được bảo vệ và phát triển, là công cụ để tuyên truyền và vận động nhân dân làm cách mạng.

1.2.4. Thời gian từ 1975- nay

1) Với chiến thắng mùa xuân năm 1975, đất nước ta hoàn toàn giải phóng, non sông liền một dải. Thống nhất đất nước sau đó là mở cửa trong xu thế đô thị hoá, hội nhập trong xu thế xu thế toàn cầu hoá là những nhân tố tác động mạnh mẽ đến tình hình ngôn ngữ ở Việt Nam và đây là cơ sở cho việc xây dựng chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với các vấn đề của đất nước trong đó có chính sách ngôn ngữ.

- Tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia được Đảng và Nhà nước dành sự quan tâm thích đáng được thể hiện không chỉ ở chính sách mà bằng nhiệm vụ cụ thể: “Chuẩn hoá và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt (...). Hoàn thiện cuốn Ngữ pháp Việt Nam, Từ điển phổ thông tiếng Việt và xức tiến biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam” [Thông báo của Bộ chính trị Số 37-NQ/TW, ngày 20/4/1981, Về chính sách khoa học và kỹ thuật].

- Ngôn ngữ học nói chung, Việt ngữ học nói riêng, một lần nữa được Đảng và Nhà nước

khẳng định là một chuyên ngành khoa học trong khoa học xã hội, cần được đầu tư, mở rộng và nâng cao chất lượng. “Mở rộng và nâng cao chất lượng nghiên cứu trên các lĩnh vực sử học, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, văn học, nghệ thuật, v.v.” [Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV do đồng chí Lê Duẩn trình bày ngày 14/12/1976]. “(...) nghiên cứu những vấn đề về lịch sử, ngôn ngữ, văn hoá...” [Báo cáo chính trị của BCH TƯ (khoá VI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII].

- Xoá mù chữ, nâng cao dân trí là chủ trương xuyên suốt của Đảng và Chính sách của Chính phủ, theo đó, giai đoạn này vẫn được Đảng, Chính phủ quan tâm. Nhìn lại tiến trình của công tác xoá mù chữ và tái mù chữ từ khi có Đảng đến nay là cả một chặng đường gian nan và thiết nghĩ là chưa kết thúc. Từ một dân tộc thuộc địa chỉ có khoảng 5% số dân biết chữ, bằng chủ trương nhất quán và phù hợp với từng giai đoạn cụ thể của bối cảnh lịch sử-xã hội Việt Nam, Đảng lãnh đạo công tác xoá mù, tái mù này và đã giành được những thành tựu to lớn: người dân Việt Nam không chỉ thoát nạn mù chữ mà còn có kiến thức và trình độ để xây dựng cuộc sống ấm no của mình và sánh vai, hoà nhập với thế giới, với nền khoa học hiện đại. Với mọi hình thức, như bình dân học vụ, bổ túc văn hoá, xoá mù chữ trở thành một phong trào rộng khắp trong toàn quốc, người biết dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít, công tác xoá mù chữ chữ từng bước được xã hội hội hoá, là công việc liên tục, thường xuyên ở mọi nơi, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng biên cương hải đảo; đối với mọi tầng lớp nhất là đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số, những người già, trẻ em,... Tuy nhiên, thực tế cho thấy, mù chữ và tái mù ở nước ta dù ít hay nhiều thì luôn có nguy cơ xuất hiện và lan rộng. Vì thế, công việc này phải thường xuyên được sự quan tâm của các cấp cơ sở Đảng và chính quyền địa phương.

- Với đường lối "giáo dục là quốc sách",

Đảng và Nhà nước đặc biệt chú trọng tới giáo dục, trong đó tiếng Việt vừa với tư cách là ngôn ngữ dạy-học vừa với tư cách là môn học. Không chỉ chú trọng việc giáo dục tiếng Việt ở trong nước mà Đảng còn chú trọng tới thế hệ trẻ người Việt ở nước ngoài, nhằm giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam. “Tạo mọi điều kiện giúp người Việt Nam ở nước ngoài hiểu tình hình đất nước. Cung cấp sách giáo khoa và các tài liệu cần thiết cho sự phát triển phong trào học và sử dụng tiếng Việt, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, duy trì các sinh hoạt văn hoá dân tộc trong cộng đồng, đặc biệt là trong thế hệ sinh trưởng ở nước ngoài” [Nghị quyết của Bộ chính trị, Số 08-NQ/TW, ngày 29/11/1993 về chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài].

2) Giai đoạn này có 02 bản Hiến Pháp sửa đổi là Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992. Cả hai bản Hiến pháp đều khẳng định nước nhà thống nhất, cả nước bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tại Điều 5 của hai bản Hiến pháp này đã khẳng định sự bình đẳng giữa các dân tộc trong đó có sự bình đẳng về ngôn ngữ và quyền ngôn ngữ của công dân Việt Nam.

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhiều bộ luật đã ra đời, được Quốc hội thông qua và đi vào cuộc sống, trong đó có một số luật có điều khoản về ngôn ngữ như Luật Giáo dục, Luật Phổ cập Giáo dục tiểu học, Luật Giáo dục đại học, Luật Quảng cáo.

Luật Phổ cập Giáo dục tiểu học (1991): “Điều 4: Giáo dục tiểu học được thực hiện bằng tiếng Việt. Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học”.

Luật Giáo dục (1998): “Điều 5. Ngôn ngữ dùng trong nhà trường

Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường” (...).

Luật Giáo dục (2005):

“Điều 7. Ngôn ngữ dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số; dạy ngoại ngữ:

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cụ thể về nội dung giáo dục, Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; (...).

Luật Giáo dục đại học (2012): “Điều 10. Ngôn ngữ dùng trong cơ sở giáo dục đại học

Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong cơ sở giáo dục đại học.

Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở giáo dục đại học quyết định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường”.

Luật Quảng cáo (2012): “Điều 18. Tiếng nói, chữ viết trong quảng cáo

1. Trong các sản phẩm quảng cáo phải có nội dung thể hiện bằng tiếng Việt, trừ những trường hợp sau” (...).

3) Bảo vệ và phát triển tiếng Việt để tiếng Việt thực hiện tốt chức năng của ngôn ngữ quốc gia là chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Dưới tên gọi “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” từ năm 1966 đến nay, các ngành các cấp liên quan đến ngôn ngữ đều quan tâm đến công việc này. Nổi lên là vấn đề chuẩn hoá chính tả và thuật ngữ. Có thể nhìn nhận công việc này ở giai đoạn này là như sau.

- Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX trở về trước, những quy định truyền thống (có thể chỉ là quy ước) về chính tả tiếng Việt, thuật ngữ tiếng Việt tuy còn có những điểm bất hợp lí, nhưng nhìn chung đó là những quy định cụ thể và khá rạch ròi (hầu như không có cái gọi là “lưỡng khả”) và được tuân thủ nghiêm ngặt trong các ấn phẩm cũng như được giảng dạy khá bài bản trong trường phổ thông. Do vậy, tính thống nhất (hay tính đúng theo chuẩn hiện có ở giai đoạn này) của chính tả tiếng Việt và thuật ngữ tiếng Việt luôn được đảm bảo.

- Bắt đầu từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, tức là sau khi đất nước thống nhất (1975), trong bao nhiêu sự kiện được đặt ra cần đi đến

thống nhất trong toàn quốc thì ngôn ngữ cũng được quan tâm đến mà trước hết là thống nhất chính tả và thuật ngữ tiếng Việt. Cơ hội này đã làm bùng nổ những cuộc thảo luận sôi nổi không chỉ trong ngành ngôn ngữ học mà cả ở ngoài xã hội về tiếng Việt nói chung và chính tả tiếng Việt, thuật ngữ tiếng Việt nói riêng. Kết quả là:

- Vào những năm đầu của thập kỉ 80 đã có hai văn bản quan trọng liên quan trực tiếp đến chính tả được công bố: (1) Một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục (Bộ Giáo dục công bố từ tháng 11 năm 1980 để áp dụng trong sách giáo khoa và trong nhà trường); (2) Quy định về chính tả tiếng Việt và về thuật ngữ tiếng Việt (ban hành kèm theo quyết định số 240/QĐ ngày 5/3/1984 của Bộ Giáo dục). Quá trình thực hiện những quy định trong hai văn bản này, cho thấy:

+ Do quy định chỉ giới hạn trong phạm vi Bộ Giáo dục nên chỉ các ấn phẩm trong ngành giáo dục và trong giảng dạy phải nghiêm chỉnh chấp hành. Điều đó cũng có nghĩa là, khi vượt ra ngoài ngành giáo dục (viết cho các ấn phẩm không phải của giáo dục) thì ngay cả những người làm việc trong ngành giáo dục vẫn có thể viết chính tả theo quy định truyền thống (tức là theo thói quen của họ) mà không buộc phải tuân theo quy định trên. Ở ngoài xã hội, bấy lâu nay vẫn viết chính tả theo truyền thống, nay được cấp thêm một cách viết chính tả nữa của giáo dục để người viết có thể tùy ý lựa chọn. Nhiều khi, cũng không còn phải là sự lựa chọn nữa mà là sự lúng túng trước một thực trạng khá bi đát: những điều quy định mới không “áp đảo” nổi những điều quy định cũ vốn đã thành thói quen, và ngược lại, thói quen lại bị phá vỡ bởi những cái mới xuất hiện. Điều này làm cho chính tả và thuật ngữ tiếng Việt trở nên “trăm hoa đua nở” mà cho đến nay vẫn chưa thống nhất được.

+ Qua điều tra thực tế cho thấy, ngay ở trong ngành giáo dục, quy định trên cũng được thực hiện chưa thật tốt, thể hiện ở chỗ: (1) Các quy định về chính tả ở nhiều nơi chưa đến được với giáo viên và học sinh; (2) Các ấn phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục cũng chưa triệt để thực hiện

viết chính tả theo những điều trong quy định này.

+ Phải chăng có một lí do về mặt chuyên môn là có những điều quy định trong hai văn bản trên còn chưa đủ sức thuyết phục? Chẳng hạn, từ những năm đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX, văn bản đã đưa ra quy định viết nguyên dạng tên riêng nước ngoài cũng như một số các thuật ngữ bằng việc lí giải về tính tích cực của cách viết này với dự đoán về mặt bằng dân trí người Việt (có thể theo kịp được cách sử dụng nguyên dạng). Đó là những quy định có phần duy ý chí và kết quả là, chính Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phải ra quyết định năm 2003 trở lại phiên âm có gạch nối. Sự duy ý chí ấy còn thể hiện ở việc cải cách chữ viết các chữ cái tiếng Việt mà hậu quả làm làm nghèo nàn các cách viết chữ Việt và cuối cùng đã phải trở về với chữ viết ban đầu của chữ quốc ngữ vào cuối những năm 90 của thế kỉ XX.

- Từ những năm cuối của thế kỉ XX xuất hiện thêm một số quy định mới về chính tả tiếng Việt, trong đó đáng chú ý là quy định của Văn phòng Chính phủ.

- Tiếng Việt ở 10 năm đầu của thế kỉ XXI đã có những biến động mạnh mẽ trước tác động của quá trình đô thị hoá và hội nhập quốc tế. Các vấn đề về phương ngữ tiếng Việt như phương ngữ địa lí, phương ngữ xã hội trong đó nổi lên là phương ngữ đô thị, phương ngữ nông thôn, phương ngữ giai tầng đang biến đổi mạnh mẽ. Theo đó khái niệm tiếng Việt toàn dân với chuẩn ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đang cần phải được nhìn nhận trong cảnh huống ngôn ngữ hiện nay. Vì thế, cho đến nay, vẫn chưa có những quy định thống nhất ở cấp quốc gia đối với bất cứ một nội dung gì của tiếng Việt, như: cách viết y và i; cách đọc bảng chữ cái tiếng Việt; việc thêm các con chữ và tổ hợp phụ âm; việc chuẩn hoá thuật ngữ; vấn đề xử lí từ ngữ nước ngoài nói chung trong đó có tên riêng nước ngoài; vấn đề tên riêng dân tộc thiểu số bằng tiếng Việt.

(Kì sau: 2. Những vấn đề đặt ra đối với tiếng Việt hiện nay)

(Ban Biên tập nhận bài ngày 11-08-2013)